TỈNH ỦY SÓC TRĂNG	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
*	
Số 10 -NQ/TU	*Sóc Trăng, ngày 29 tháng 12 năm 2021*

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 180
Ngày: 30/12/2021

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHOÁ XIV
về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH SÓC TRĂNG

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đạt được những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức bộ máy cơ bản đáp ứng yêu cầu chức năng, nhiệm vụ; chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn về nghiệp vụ theo từng chức danh; chất lượng ban hành văn bản ngày càng được nâng lên, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, thiết thực; thủ tục hành chính được công bố, công khai, minh bạch tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong công tác giải quyết thủ tục hành chính; nhiều giải pháp, mô hình, sáng kiến được triển khai, nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng cải cách hành chính; cải cách tài chính công đạt kết quả tích cực; việc áp dụng ISO 9001:2015 và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động cơ quan đã góp phần tạo sự minh bạch, thông suốt trong các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh, quy định rõ người, rõ việc, rõ chức năng nhiệm vụ... tạo thuận lợi để thực hiện chính quyền điện tử của tỉnh. Hàng năm, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đều đạt mục tiêu đề ra (trên 80%); chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2020 xếp vị trí thứ 19/63 (tăng 30 bậc so với năm 2016).

Tuy nhiên, qua tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 tỉnh Sóc Trăng, nhận thấy công tác cải cách hành chính vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật từng lúc còn chậm so với yêu cầu; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn theo từng chức danh chưa đạt mục tiêu đề ra, có nơi bố trí, phân công công chức chưa phù hợp với vị trí việc làm và năng lực, sở trường công tác; tình trạng yêu cầu bổ sung hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết trễ hẹn, gây phiền hà cho người dân vẫn còn xảy ra; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do: Một số cấp ủy, chính quyền chưa tập trung đúng mức đối với công tác cải cách hành chính; năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu; công tác phối hợp giữa một số cơ quan, giữa các ngành, các cấp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin

vào hoạt động cơ quan hành chính còn hạn chế; kỷ luật, kỷ cương hành chính một vài nơi chưa nghiêm; sự phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết hồ sơ, thủ tục cho người dân, doanh nghiệp đôi lúc chưa chặt chẽ. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính chưa sâu rộng, chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa trong đại bộ phận người dân, doanh nghiệp.

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu như sau:

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Quan điểm chỉ đạo

Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại của cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan hành chính nhà nước, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất trong các cơ quan đảng, nhà nước, có tính kế thừa, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân góp phần đưa tỉnh Sóc Trăng phát triển nhanh, bền vững. Chú trọng hoàn thiện và nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm với nhiệm vụ; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, tạo chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Đến năm 2025, phấn đấu 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. Văn bản quy phạm pháp luật được xử lý hoặc kiến nghị sau rà soát đạt 100% và tiếp tục duy trì đến năm 2030.

(2) Đến năm 2025, tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử và tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

(3) Đến năm 2025, tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

Đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

(4) Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

(5) Đến năm 2025, tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; trong đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

Đến năm 2030, tối thiểu 90% thủ tục hành chính của ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

(6) Đến năm 2025, 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời và tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

(7) Đến năm 2025, 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ và tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

(8) Đến năm 2025, tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Đến năm 2030, giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025.

(9) Đến năm 2025, 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền và tiếp tục duy trì tỷ lệ này đến năm 2030.

(10) Đến năm 2025, 80% các hệ thống thông tin của ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không phải cung cấp lại. Đồng thời, tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

(11) Đến năm 2025, 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Đến năm 2030, 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

(12) Đến năm 2025, 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý và đạt 70% đến năm 2030.

(13) Đến năm 2025, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định, có năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ văn hóa và chuyên môn đạt chuẩn theo quy định.

Đến năm 2030, xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

(14) Đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

Đến năm 2030, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

(15) Đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90% và đạt tối thiểu 95% vào năm 2030.

(16) Đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85% và đạt tối thiểu 90% vào năm 2030.

(17) Phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Sóc Trăng xếp Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) vào nhóm khá cả nước, trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) trong nhóm khá cả nước, vào nhóm 30 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đạt điểm trung bình cao của cả nước, vào nhóm 30 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) vào nhóm 30 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Từ năm 2026, mỗi năm tăng tối thiểu 1 bậc đối với mỗi Chỉ số cho đến năm 2030.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đối với công tác cải cách hành chính

Các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục quan tâm triển khai thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh ủy, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong toàn đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về cải cách hành chính. Đẩy mạnh công tác giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện cải cách hành chính nhà nước các cấp. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa nội dung cải cách hành chính vào Chương trình kiểm tra, giám sát.

Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và dân vận chính quyền. Cấp ủy đảng, chính quyền dành thời gian thỏa đáng nắm tình hình ở cơ sở, thực hiện tốt việc gặp gỡ, tiếp xúc, lắng nghe, đối thoại với Nhân dân; tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân. Phát huy quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

3.2. Cải cách thể chế

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, đảm bảo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương ban hành thống nhất, phù hợp quy định pháp luật, khả thi, ổn định, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là những nội dung văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến doanh nghiệp, đến các chính sách, thủ tục về đất đai môi trường, thuế, đặc biệt là văn bản quy định chính sách mới nhằm thu hút đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp.

Minh bạch hóa toàn bộ quy định, chính sách, cơ chế, bảo đảm việc tiếp cận bình đẳng của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3.3. Cải cách thủ tục hành chính

Cải cách mạnh mẽ quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, chuẩn hóa nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Kiện toàn, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã để cải thiện chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính, chú trọng đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; có giải pháp cụ thể để nâng cao tỷ lệ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4; tăng tính liên thông giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau, tháo gỡ khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong đảng; các cấp ủy, cơ quan tham mưu cấp ủy có quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong đảng; quy trình hóa, quy chế hóa các hoạt động của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm việc tổ chức thực hiện có nề nếp, nâng cao chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

3.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là triển khai thực hiện tốt chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020- 2025; trong đó chú trọng sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp của tỉnh phải đảm bảo tính tổng thể, kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế.

Rà soát, sắp xếp giảm tối đa các tổ chức phối hợp liên ngành trong tỉnh. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

Hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp quản lý giữa cấp trên với cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm, tăng tính chủ động của các ngành, các cấp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

3.5. Cải cách chế độ công vụ

Tiếp tục giáo dục, rèn luyện, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, có bản lĩnh, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XII và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt.

Thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, toàn diện và công tâm. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác.

Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công vụ và chịu trách nhiệm về những vi phạm trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ, sự tín nhiệm của Nhân dân, kết quả việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước làm cơ sở để đánh giá trách nhiệm chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đánh giá thi đua, xếp loại hằng năm của cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng, bố trí nhân sự theo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính các cấp chính quyền trong tỉnh. Triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Thực hiện các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài về công tác tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

3.6. Cải cách tài chính công

Nghiên cứu đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả hoạt động của đơn vị, tiến tới triển khai thực hiện cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động. Nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong quản lý ngân sách.

Đổi mới cơ chế hoạt động, nhất là cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ sở giáo dục và đào tạo, y tế công lập theo hướng tự chủ, minh bạch. Phát huy trách nhiệm và tính sáng tạo, chủ động của các đơn vị này nhằm cung cấp các dịch vụ công ngày càng có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người dân.

Rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định, quy chế thuộc thẩm quyền của đơn vị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3.7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Sóc Trăng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng. Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao và nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Xây dựng, triển khai, chia sẻ các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh tích hợp vào hệ thống Cổng dịch vụ công, hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh, làm nền tảng để đơn giản hóa các giấy tờ kèm theo của các thủ tục hành chính góp phần xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số.

Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, giảm chi phí và thời gian xử lý công việc trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo điều hành, xử lý công việc trên môi trường mạng, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ. Tăng cường công tác phối hợp và kết nối giữa các cơ quan đảng, chính quyền, các ngành, các cấp thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối, chia sẻ dữ liệu trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

Tiếp tục tăng cường thực hiện việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại các cơ quan đơn vị; triển khai việc tích hợp vào Hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết này; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh thường xuyên tuyên truyền nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết này đến thành viên, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các cấp ủy đảng, tổ chức đảng, các ngành, các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chủ động cụ thể hóa Nghị quyết thành Chương trình, Kế hoạch để triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và chức năng nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Xác định rõ trách nhiệm của bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương về đẩy mạnh cải cách hành chính bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp ủy và cơ quan hành chính nhà nước.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị quyết của Tỉnh ủy thành các chương trình, kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Cân đối, bố trí đủ nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đã xác định, trong đó quan tâm xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và tăng cường nguồn nhân lực đảm bảo thực hiện đạt hiệu quả. Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổ chức hội nghị chuyên đề về cải cách hành chính. Sơ kết thực hiện Nghị quyết vào năm 2025, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết vào năm 2030.

Nghị quyết này được phổ biến đến các tổ chức đảng, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh./.

T/M TỈNH UỶ
BÍ THƯ

TỈNH ỦY SÓC TRĂNG

Lâm Văn Mẫn

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng (Hà Nội và T78),
- Các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- UBND cấp huyện,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.